

Số: 2376/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 12 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến liên quan đến doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương tỉnh Lai Châu

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1928/QĐ-BCT ngày 02/7/2025 của Bộ Công Thương Ban hành “Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 2456/TTr-SCT ngày 04 tháng 9 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến liên quan đến doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương tỉnh Lai Châu (Có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Công Thương

a) Tổ chức triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo Danh mục được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

b) Thường xuyên rà soát, đánh giá, đề xuất phương án sửa đổi, bổ sung quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, thực hiện tái cấu trúc quy trình, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần thuộc phạm vi, chức năng quản lý; tổng hợp các nội dung rà soát, đề xuất của UBND cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến theo quy định.

c) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp và người dân nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Lai Châu.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, UBND các xã, phường và cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai, thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Lai Châu.

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan quản lý, vận hành Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Lai Châu đảm bảo hoạt động thông suốt và đáp ứng các yêu cầu về chức năng, kỹ thuật, an toàn, an ninh thông tin.

c) Tích hợp, cung cấp Danh mục dịch vụ công trực tuyến đã được phê duyệt trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; phối hợp với các cơ quan, đơn vị cập nhật, hiệu chỉnh, bổ sung nội dung thông tin, biểu mẫu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Lai Châu.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị có liên quan tham mưu, đề xuất với UBND tỉnh các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí đẩy mạnh công tác truyền thông về ý nghĩa, tầm quan trọng, các quy trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến;

truyền thông các mô hình tốt, cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả trong triển khai thực hiện.

5. UBND các xã, phường

a) Tổ chức triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh Lai Châu theo Danh mục được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

b) Thường xuyên rà soát, đánh giá, đề xuất phương án sửa đổi, bổ sung quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, thực hiện tái cấu trúc quy trình, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần thuộc thẩm quyền giải quyết.

c) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp và người dân nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Lai Châu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch UBND các xã, phường; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- VPUBND tỉnh: V1, V4, CB;
- VNPT Lai Châu (p/h);
- Lưu: VT, Hcc4.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tổng Thanh Hải

Phụ lục
DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN LIÊN QUAN ĐẾN DOANH NGHIỆP
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH LAI CHÂU
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Dịch vụ công trực tuyến một phần	Phí/lệ phí thực hiện			Ghi chú
					Phí	Lệ phí	Không	
A	CẤP TỈNH							
I	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu (48)							
1	1.000665.H35	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu D	x		x			
2	1.000695.H35	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu E	x		x			
3	1.000603.H35	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AK	x		x			
4	1.000432.H35	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AJ	x		x			
5	2.000303.H35	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AI	x		x			
6	1.000694.H35	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AANZ	x		x			
7	1.000676.H35	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu S	x		x			
8	2.000260.H35	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu X	x		x			
9	1.000686.H35	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VJ	x		x			
10	1.000664.H35	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VC	x		x			

11	1.000431.H35	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VK	x		x			
12	1.000382.H35	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu EAV	x		x			
13	1.000490.H35	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu A	x		x			
14	1.000450.H35	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) không ưu đãi mẫu B	x		x			
15	1.000430.H35	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu DA59 (cho hàng hoá xuất khẩu đi Châu Phi)	x		x			
16	1.000398.H35	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu ICO (cho hàng cà phê xuất khẩu)	x		x			
17	1.003477.H35	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Peru	x		x			
18	1.003400.H35	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Thổ Nhĩ Kỳ	x		x			
19	1.002960.H35	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Venezuela	x		x			
20	1.001298.H35	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) cho hàng hóa gửi kho ngoại quan đến các nước thành viên theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập	x		x			
21	1.001370.H35	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu từ doanh nghiệp chế xuất, khu chế xuất, kho ngoại quan, khu phi thuế quan và các khu vực hải quan riêng khác có quan hệ xuất nhập khẩu với nội địa	x		x			
22	1.001380.H35	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) cấp sau	x		x			
23	1.001383.H35	Cấp lại Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O)	x		x			
24	1.003522.H35	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) giáp lưng	x		x			
25	2.001372.H35	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu CPTPP	x		x			

26	1.007968.H35	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AHK	x		x			
27	1.008361.H35	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VN-CU	x		x			
28	1.008667.H35	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu EUR.1	x		x			
29	1.010056.H35	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu EUR.1 trong UKVFTA	x		x			
30	1.010762.H35	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu RCEP	x		x			
31	1.001274.H35	Cấp Giấy chứng nhận không thay đổi xuất xứ (CNM)	x		x			
32	1.013642.H35	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu GSTP	x		x			
33	1.013643.H35	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu BR9	x		x			
34	1.000366.H35	Cấp Văn bản chấp thuận cho tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN	x		x			
35	1.008882.H35	Cấp sửa đổi, bổ sung Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN	x		x			
36	1014119H35	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu VI	x		x			
37	1.000694.H35	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu AANZ	x		x			
38	1.004191.H35	Sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm xuất, tái nhập; Giấy phép kinh doanh chuyên khẩu		x			x	
39	1.001419.H35	Thủ tục cấp phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế	x				x	
40	1.000551.H35	Sửa đổi, bổ sung/cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất	x				x	
41	1.000905.H35	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất	x				x	
42	1.000957.H35	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác	x				x	

43	1.005405.H35	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam		x			x	
44	2.001758.H35	Cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng	x				x	
45	1.004181.H35	Cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng có thuế tiêu thụ đặc biệt	x				x	
46	1.004155.H35	Cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh	x				x	
47	1.000890.H35	Thủ tục Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu	x				x	
48	1.013778.H35	Gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh	x				x	
II	Lĩnh vực thương mại điện tử (2)							
1	2.000.243.H35	Thông báo website thương mại điện tử bán hàng	x				x	
2	1.003.390.H35	Thông báo ứng dụng thương mại điện tử bán hàng	x				x	
III	Lĩnh vực đa cấp (4)							
1	2.001573.H35	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp	x				x	
2	2.000309.H35	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	x				x	
3	2.000324.H35	Xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương		x	x			
4	1.003705.H35	Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp	x				x	
IV	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước (20)							
1	2.000666.H35	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	x		x			
2	1.001338.H35	Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	x		x			

3	1.001323.H35	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	x		x			
4	2.000598.H35	Cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	x		x			
5	1.003101.H35	Cấp lại Giấy phép phân phối rượu	x		x			
6	1.003977.H35	Cấp giấy phép phân phối rượu	x		x			
7	1.005376.H35	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối rượu	x		x			
8	2.000626.H35	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá		x	x			
9	2.000204.H35	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá		x	x			
10	2.000622.H35	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá		x	x			
11	2.000167.H35	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	x		x			
12	2.001624.H35	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	x		x			
13	2.001619.H35	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	x		x			
14	2.000636.H35	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	x		x			
15	2.000637.000.00.00.H35	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá		x	x			
16	2.000640.000.00.00.H35	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá		x	x			
17	2.000197.000.00.00.H35	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá		x	x			
18	2.001646.000.00.00.H35	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)		x	x			
19	2.001636.000.00.00.H35	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)		x	x			

20	2.001630.000.00. 00.H35	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)		x	x			
V	Lĩnh vực kinh doanh khí (9)							
1	2.001424.H35	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG		x	x			
2	2.000142.H35	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG		x	x			
3	1.000706.H35	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG		x	x			
4	2.000354.H35	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG		x	x			
5	1.005184.H35	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG		x	x			
6	1.005372.H35	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG		x	x			
7	2.000166.H35	Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG		x	x			
8	1000709	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini		x			x	
9	1000704	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini		x			x	
VI	Lĩnh vực tài sản kết cấu hạ tầng chợ do nhà nước đầu tư, quản lý (2)							
1	1.012567.H35	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý		x			x	
2	1.012569.H35	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ		x			x	
VII	Lĩnh vực xúc tiến thương mại (2)							
1	2.000026.H35	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại nước ngoài	x				x	
2	2.000133.H35	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài.	x				x	
VIII	An toàn thực phẩm (6)							

1	2.001293.H35	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm		x	x			
2	2.001278.H35	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh sản phẩm thực phẩm		x	x			
3	2.001682.H35	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước		x			x	
4	2.000117.H35	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	x		x			
5	1.003951.H35	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước		x			x	
6	1.003929.H35	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm		x			x	
IX	Công nghiệp tiêu dùng (9)							
1	1.000667.H35	Nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá	x				x	
2	1.000949.H35	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu	x				x	
3	1.000172.H35	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuộn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá	x				x	
4	2.000209.H35	Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại	x				x	
5	1.000363.H35	Cấp phép nhập khẩu tự động thuốc lá điếu, xì gà	x				x	
6	1.013780.H35	Nhượng bán, xuất khẩu, tái xuất, thanh lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá		x			x	
7	1004021	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)		x	x			

8	1003992	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)		x	x			
9	1004007	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)		x	x			
X	Dịch vụ giám định thương mại (1)							
1	1.005190.H35	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại		x			x	
XI	Lĩnh vực Khoáng sản (4)							
1	1.014125.H35	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản		x			x	
2	1.014126.H35	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản		x			x	
3	1.014127.H35	Thu hồi Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản		x			x	
4	1.013652.000.00.00.H35	Phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		x			x	
XII	Lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (12)							
1	1001292	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận		x			x	
2	2000628	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận		x			x	
3	2000624	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận		x			x	
4	1000878	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định		x			x	
5	2000251	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định		x			x	
6	2000401	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định		x			x	
7	1001271	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm		x			x	
8	2000613	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm		x			x	
9	2000618	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm		x			x	
10	2000604	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định		x			x	
11	2001675	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định		x			x	
12	2001665	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định		x			x	

XIII	Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (5)							
1	1000998	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ		x			x	
2	1000965	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ		x			x	
3	1013058	Cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		x	x			
4	2.000221.000.00.00.H35	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương		x			x	
5	2.000172.000.00.00.H35	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương		x			x	
XIV	Lĩnh vực Cụm công nghiệp (1)							
1	1012427	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp		x			x	
XV	Lĩnh vực Chất lượng sản phẩm hàng hóa (1)							
1	2000046	Cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy các sản phẩm, hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia		x			x	
XVI	Lĩnh vực Công nghiệp nặng (1)							
1	1001158	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa		x			x	
XVII	Lĩnh vực điện lực (9)							
1	1.013420.000.00.00.H35	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp giấy phép bị mất, bị		x	x			
2	1.013421.000.00.00.H35	Thu hồi giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	x				x	
3	1.013418.000.00.00.H35	Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	x		x			
4	1.013417.000.00.00.H35	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)		x	x			
5	1.013411.000.00.00.H35	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		x	x			
6	1.013419.000.00.00.H35	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	x		x			
7	1.013416.000.00.00.H35	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		x	x			

8	1.013412.000.00.00.H35	Cấp giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		x	x			
9	1.013401.000.00.00.H35	Cấp giấy phép hoạt động phát điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		x	x			
XVII	I Lĩnh vực an toàn đập, hồ chứa thủy điện (7)							
1	1.013398.000.00.00.H35	Điều chỉnh phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh An toàn đập, hồ chứa thủy điện		x			x	
2	1.013399.000.00.00.H35	Thẩm định, phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		x			x	
3	2.001300.000.00.00.H35	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		x			x	
4	2.001322.000.00.00.H35	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		x			x	
5	2.001292.000.00.00.H35	Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		x			x	
6	2.001313.000.00.00.H35	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh An toàn đập, hồ chứa thủy điện		x			x	
7	2.001384.000.00.00.H35	Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện		x			x	
XVX	Lĩnh vực điện lực (1)							
1	1.013395.000.00.00.H35	Điều chỉnh danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp	x				x	
B	CẤP XÃ							
I	Lĩnh vực tài sản kết cấu hạ tầng chợ do nhà nước đầu tư, quản lý (1)							
1	1.012568.H35	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý		x			x	
II	Lưu thông hàng hóa trong nước (3)							

1	2.000615.H35	Cấp sửa đổi, bổ sung Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	x		x			
2	2.001240.H35	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	x		x			
3	2000629	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh		x	x			